

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

=====000=====

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

“XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT HẠT GIỐNG LÚA LAI F1 VÀ GIỐNG LÚA
THUẦN NĂNG SUẤT CAO PHẨM CẤP TỐT PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP HUYỆN
DIỆN BIÊN TỈNH LAI CHÂU”

THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC
VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 1993 - 2002

Thời gian thực hiện: 2001 - 2003

Cấp quản lý: Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai châu

Cơ quan chủ trì dự án: Sở Khoa học công nghệ & Môi trường tỉnh Lai châu

Cơ quan chuyển giao khoa học công nghệ: Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp
Việt nam.

Hà nội, tháng 10 năm 2003

PHẦN I

KHÁI QUÁT VÙNG DỰ ÁN, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN

I. KHÁI QUÁT VÙNG DỰ ÁN.

Lai Châu là một tỉnh miền núi vùng cao biên giới thuộc miền Tây Bắc của Tổ quốc, xa các trung tâm đô thị và các thành phố lớn, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Đông và phía Nam giáp 2 tỉnh Lào Cai và Sơn La, phía Tây giáp Lào.

Diện tích của tỉnh Lai Châu là 17.133 km² dân số 588.700 người, thành phần dân tộc gồm chủ yếu dân tộc Thái, Kinh, Mông, Lào.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và của Nhà nước, nhờ sự chỉ đạo sát sao của các cấp chính quyền địa phương tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã có bước phát triển khá, giá trị sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là trồng trọt) 324.479 triệu đồng, chiếm 77,48 %, chăn nuôi 92.825 triệu đồng chiếm 22,16% và dịch vụ 1.472 triệu đồng chiếm 0,36%. Các năm sau đều cao hơn năm trước, năm 1995 đạt 359.500 triệu đồng đến năm 1998 đạt 441.300 triệu đồng tăng 23%. Cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng vật nuôi có bước chuyển đổi tích cực, các giống mới có năng suất cao phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương đã được đưa vào sản xuất ngày càng nhiều, biện pháp canh tác, tiến bộ kỹ thuật mới đã được giới thiệu và phổ biến cho nông dân cũng ngày một tăng và phong phú, có tác dụng tích cực trong việc tăng năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi.

Tuy nhiên do điều kiện giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn, địa hình, địa thế phức tạp, việc tiếp cận thông tin cập nhật còn hạn chế, hệ thống cung cấp dịch vụ vật tư, kỹ thuật phục vụ còn nghèo nàn, đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên còn thiếu và trình độ khoa học chưa đáp ứng được sự phát triển của xã hội vì vậy sản xuất nông nghiệp hiện nay của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và phát huy được lợi thế về đất đai, khí hậu và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh.

Thực trạng công tác giống của tỉnh Lai Châu:

Toàn tỉnh Lai Châu hiện có khoảng 22.000 ha đất trồng lúa nước, bao gồm cả lúa Đông xuân và lúa Mùa, nhu cầu giống lúa cung cấp cho tỉnh khoảng 2.200 tấn/năm. Trên thực tế công tác giống lúa phục vụ sản xuất nông nghiệp trong những năm gần đây vẫn còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn, hệ thống cung cấp dịch vụ vật tư, kỹ thuật phục vụ gieo cấy còn ở mức thấp và còn hạn chế về nhiều mặt, chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu sản xuất. Các giống lúa có phẩm cấp tốt như giống siêu nguyên chủng và nguyên chủng vẫn phải nhập từ các cơ quan khoa học và cơ quan sản xuất giống trung ương. Trình độ dân trí của người nông dân còn thấp chưa nắm vững được thế nào là giống siêu nguyên chủng hay giống cấp I vì vậy không chủ động được trong việc cung cấp giống.

Bên cạnh đó tập quán sử dụng các giống lúa qua nhiều năm liên tục của bà con nông dân đã làm suy thoái các giống, làm giảm năng suất và giảm hiệu quả kinh tế cho sản xuất nông nghiệp.

Trong cuộc cách mạng nông nghiệp hiện nay, giống là yếu tố tác động chính tới năng suất và chất lượng nông sản, vì vậy giống tốt giá cả hợp lý là yếu tố quan trọng quyết định tới hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn này, đồng thời nó cũng khuyến khích nông dân tiếp thu nhanh các giống lúa mới và mở rộng trong sản xuất.

Chính vì vậy yêu cầu tất yếu định ra cho tỉnh Lai châu đó là *Từng bước hoàn thiện hệ thống sản xuất giống lúa từ cấp tỉnh tới cấp huyện và cấp xã với mục tiêu tự sản xuất và cung cấp, chủ động các giống lúa có phẩm cấp tốt, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật phấn đấu không còn địa phương nào phải sử dụng các giống lúa từ cấp 2 trở xuống.*

Trên cơ sở đó Dự án "*Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1 và giống lúa thuần năng suất cao, phẩm cấp tốt phục vụ sản xuất nông nghiệp huyện Điện Biên tỉnh Lai Châu*" đã được tỉnh Lai Châu xây dựng nằm trong khuôn khổ chương trình ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Công nghệ

phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường giai đoạn 1998 - 2002 là cần thiết, đáp ứng được nhu cầu trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh ngày đang được tăng lên từng bước.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN ĐIỆN BIÊN.

1. Vị trí địa lý.

Huyện Điện Biên nằm ở phía Nam tỉnh Lai Châu, với toạ độ địa lý là $21^{\circ}50'$ vĩ độ Bắc và cực Nam $21^{\circ}50'$ vĩ độ Bắc.

Phía Bắc giáp huyện Tuần Giáo và huyện Mường Lay

Phía Đông giáp thị xã Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên Đông.

Phía Nam giáp tỉnh Sơn La.

Phía Tây giáp nước bạn Lào.

Là một trung tâm kinh tế xã hội của tỉnh Lai Châu, với điều kiện thuận lợi về giao thông, cơ sở hạ tầng và tiêu thụ hàng hoá ... vì vậy chọn Điện Biên làm địa điểm xây dựng các mô hình là rất phù hợp với mục đích yêu cầu của Dự án đã và góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và của huyện Điện Biên nói riêng.

2. Điều kiện tự nhiên.

Huyện Điện Biên nằm trong khu vực địa hình núi cao trung bình của tỉnh Lai Châu, khu vực thấp nhất có độ cao tuyệt đối 300 m và đỉnh cao nhất là 2000m, địa hình tương đối phức tạp với các thung lũng sông Nậm Rốn, Nậm Nứa, Nậm Hứa ... nằm xen giữa các địa hình núi cao.

Về khí hậu: Được chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa nóng ẩm từ tháng 5 đến tháng 10 do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam, mùa lạnh và khô bắt đầu từ tháng 11 cho đến tháng 4 năm sau do ảnh hưởng của gió mùa đông Bắc.

Lượng mưa trung bình hàng năm từ 160 - 200 mm

Tổng nhiệt độ trung bình năm trên 7000°C

Độ ẩm trung bình 80%

Nhiệt độ trung bình từ 15 đến 20°C, trong những vùng thung lũng lòng chảo nhiệt độ trên 20°C.

Với điều kiện khí hậu như vậy rất phù hợp cho cây lúa sinh trưởng, phát triển, đạt năng suất cao và chất lượng tốt. Tuy nhiên, bên cạnh đó nó cũng gây ra những điều kiện khó khăn như sương muối, mưa đá, lũ lụt ... làm trở ngại cho nền sản xuất nông nghiệp nói chung và cho sản xuất lúa nói riêng.

Thủy văn: Mạng lưới sông suối khá dày đặc, bao gồm 2 lưu vực của 2 con sông Mê Kông và sông Mã, phía Tây có các con sông Sông Nậm Rốm, Nậm Nứa, Nậm Hứa ... phía Đông gồm các con sông Nậm Mã, Nậm Phung, Nậm Sư Lư, lượng nước tưới phù sa của các con sông khá thuận lợi, mùa lũ thường xuất hiện vào tháng 8, mùa khô lại xuất hiện vào tháng 3 năm sau cũng gây ra một số trở ngại cho sản xuất nông nghiệp.

Thổ nhưỡng đất đai: Do qui luật phân hoá các yếu tố tự nhiên rất đa dạng, thổ nhưỡng trong vùng khá phong phú. ở đây có các loại đất như đất phù sa chua, đất nâu đỏ (Fd), đất nâu vàng (Fx) đất xám Feralit (Xf) đất xám mùn trên núi, đất mùn alit trên núi (A).

Nhìn chung điều kiện thổ nhưỡng khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và có khả năng tạo ra sự đa dạng về các sản phẩm nông nghiệp.

Tổng diện tích	Đất nông nghiệp : 13.864,38 ha	chiếm 8,5%
	Đất lâm nghiệp : 37.585,41 ha	chiếm 22,0%
	Đất chuyên dùng: 2.989,04 ha	1,8%
	Đất ở : 786,23 ha	0,5%
	Đất chưa sử dụng : 109.673,44 ha	66,4%

Diện tích đất trồng lúa của huyện Điện Biên là 8980,2 ha trong đó diện tích đất lúa đông xuân 3393,9 ha và lúa mùa 5586,3 ha. Điều kiện đất đai của huyện Điện Biên rất tốt thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng và phát triển, năng suất lúa bình quân trong những năm gần đây đều đạt trung bình trên 8 tấn/ha/năm.

Đặc điểm kinh tế xã hội:

Toàn huyện có 19 xã, 19.902 hộ với 102.650 nhân khẩu chủ yếu Gồm các dân tộc Thái, Kinh, Mông, Lào. Các dân tộc khác nhau có tập quán sinh sống cũng khác nhau, người dân tộc Kinh và dân tộc Thái thường sống ở những vùng thấp bằng phẳng, trình độ sản xuất nông nghiệp ở mức độ khá, các dân tộc khác thường sống ở những vùng núi cao có trình độ sản xuất nông nghiệp thấp và thường theo các phương thức sản xuất nông nghiệp cổ truyền.

Năm 2000 tỷ lệ hộ đói nghèo 5.183 hộ trong đó có 2.955 hộ đói và 2.228 hộ nghèo.

Hệ thống thông tin tuyên truyền đang được nâng cấp và phát triển, hệ thống truyền thanh truyền hình đã về đến các bản làng.

100% các xã đều có trường học cấp I tuy nhiên trình độ dân trí nhìn chung còn thấp tỷ lệ học sinh cấp 2, cấp 3 ở những vùng khó khăn còn rất thấp, nhất là học sinh đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

III. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN.

1. Mục tiêu dự án.

1- Từng bước giúp huyện Điện Biên chủ động về nguồn giống tốt, hạ giá thành giống so với mua và nhập từ bên ngoài để cung cấp và trao đổi cho nông dân trong toàn huyện.

2- Tăng cường công tác khuyến cáo sử dụng các giống lúa tốt có năng suất và phẩm cấp cao cho nông dân.

3 -Từ kết quả các mô hình triển khai tại huyện Điện Biên sẽ nhân rộng ra các huyện trong tỉnh Lai châu để từng bước có thể chủ động được nguồn giống cho huyện và cho tỉnh Lai châu.

4- Trong quá trình thực hiện dự án sẽ góp phần đào tạo về quản lý, điều hành sản xuất cho 05 cán bộ huyện, 20 cán bộ xã và khoảng trên 30 kỹ thuật viên trực tiếp tham gia công tác chỉ đạo sản xuất tại cơ sở. Nâng cao trình độ hiểu biết, áp dụng khoa học kỹ thuật cho khoảng 2000 lượt nông dân.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Dự án đã xây dựng một số mô hình nông nghiệp điển hình, chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ về lĩnh vực nông nghiệp để góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh Lai châu, bao gồm:

- + Mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng, quy mô 20hecta thời gian triển khai thực hiện trong hai năm.

- + Mô hình sản xuất hạt giống lúa cấp I cho tỉnh, quy mô 95hecta thời gian thực hiện trong hai năm.

- + Mô hình trình diễn một số giống mới có năng suất cao phẩm chất tốt, nhằm bổ sung vào cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho tỉnh Lai châu.

- + Mô hình sản xuất hạt giống F1 lúa lai ba dòng tại Trại giống nông nghiệp huyện Điện Biên đồng thời đánh giá khả năng sản xuất hạt giống lúa lai F1 trên vùng lòng chảo Điện Biên.

2. Mục tiêu nhân rộng kết quả của các mô hình ra sản xuất.

Từ kết quả của các mô hình, Dự án nhân rộng ra sản xuất trong toàn tỉnh Lai châu, đồng thời xác định cơ sở khoa học để áp dụng cho các tỉnh miền núi khác trong cả nước.

3. Mục tiêu đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn cho nông dân tham gia xây dựng mô hình.

Nhằm đào tạo, nâng cao trình độ quản lý kinh tế xã hội, chỉ đạo sản xuất cho các cấp lãnh đạo của huyện và của xã, Dự án đã đào tạo 5 kỹ thuật viên cấp huyện và 20 kỹ thuật viên cấp xã, về các khâu kỹ thuật trong công tác chọn tạo và đánh giá các loại giống lúa, có thể tự áp dụng các quy trình kỹ thuật trong quá trình sản xuất các loại giống lúa để cung cấp cho địa phương mình và các địa bàn lân cận.

Sau hai năm thực hiện Dự án sẽ chuyển giao nhiều kỹ thuật tiến bộ và công nghệ mới cho bà con nông dân và tập huấn các loại quy trình sản xuất giống lúa cho các đối tượng tham gia xây dựng mô hình Dự án.

Nâng cao trình độ hiểu biết của bà con nông dân, tập huấn các phương pháp áp dụng các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp cho 1500 lượt nông dân, nhằm làm cho bà con sẽ nắm bắt và hình dung được các công đoạn trong sản xuất hạt giống lúa nói riêng và trong sản xuất các giống cây trồng khác nói chung.

IV. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN.

Triển khai xây dựng bốn mô hình sản xuất giống lúa cho tỉnh Lai châu nói chung, huyện Điện Biên và huyện Tuần Giáo nói riêng, cụ thể:

1. Mô hình sản xuất hạt giống lúa IR64 cấp nguyên chủng.

+ *Địa điểm xây dựng mô hình:* Tại Trại giống nông nghiệp, và xã Thanh Xương huyện Điện Biên.

+ *Quy trình công nghệ:* Để đạt được mục tiêu và yêu cầu của Dự án Viện khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam lựa chọn những quy trình và giải pháp Khoa học công nghệ phù hợp với địa bàn thực hiện Dự án, cụ thể: Đầu tư 100% giống có chất lượng và phẩm cấp tốt, hỗ trợ một số loại vật tư nông nghiệp như phân Lân, kali, thuốc bảo vệ thực vật theo quy trình kỹ thuật, phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của địa phương. Đối với mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng thì phải sử dụng giống gốc là hạt giống đủ phẩm cấp hạt siêu nguyên chủng, đồng thời xây dựng quy trình kỹ thuật với phương pháp bón phân phù hợp với tính chất đất của địa bàn thực hiện mô hình.

+ *Tổng diện tích mô hình:* 20 ha được thực hiện trong 2 năm.

Để xây dựng thành công mô hình, Dự án đã đào tạo 5 kỹ thuật viên và tập huấn cho 300 lượt nông dân tham gia xây dựng mô hình tại hội trường phòng nông nghiệp huyện, cấp phát quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất hạt

giống lúa IR64 cấp nguyên chủng cho bà con nông dân tham gia xây dựng mô hình.

Kinh phí xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa IR64 cấp nguyên chủng từ ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương là: 160.740.000 đồng.

2. Mô hình sản xuất hạt giống lúa cấp I giống IR64.

+ *Địa điểm thực hiện dự án:* huyện Thuận Giáo và huyện Điện Biên. Tại huyện Thuận Giáo mô hình được thực hiện ở các xã Quài Cang, Quài Nưa và Thị trấn Thuận Giáo. Tại huyện Điện Biên được thực hiện ở các xã Thanh An, xã Thanh Xương, xã Sam Mứn, Thanh Chân, và Đội 9 công ty cây công nghiệp.

+ *Quy trình công nghệ:* Đầu tư 100% giống có chất lượng và phẩm cấp tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của địa phương, giống gốc đạt phẩm cấp nguyên chủng theo tiêu chuẩn ngành, Dự án còn hỗ trợ phân lân, kali và thuốc bảo vệ thực vật theo quy trình kỹ thuật đã được phê duyệt đồng thời hướng dẫn, tập huấn quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa IR64 cấp I.

+ *Tổng diện tích mô hình:* 95 ha/2 năm.

Dự án đào tạo 5 kỹ thuật viên tại phòng nông nghiệp huyện Điện Biên và tập huấn quy trình công nghệ sản xuất hạt giống lúa IR64 cấp I cho 500 lượt nông dân tham gia xây dựng mô hình.

Kinh phí xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa IR64 cấp I từ ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương là: 154.660.000 đồng.

3. Mô hình trình diễn các giống lúa mới.

Để bổ sung thêm các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào cơ cấu giống hiện có và đánh giá tiềm năng năng suất của một số giống lúa mới, tính thích ứng của chúng với điều kiện sinh thái của vùng lòng chảo Điện Biên, Dự án đã xây dựng mô hình trình diễn một số giống lúa mới có năng suất cao và chất lượng tốt cho tỉnh.

+ *Địa điểm triển khai tại các xã thuộc huyện Điện Biên:* xã Noọng het, Thanh Xương, Thanh An và xã Thanh Chân.

+ *Quy trình công nghệ*: Lựa chọn một số giải pháp khoa học công nghệ phù hợp với các xã tham gia xây dựng mô hình như đầu tư giống có năng suất cao, chất lượng tốt, hạt giống gốc phải đạt phẩm cấp nguyên chủng để trình diễn cho bà con nông dân qua đó bà con đánh giá được kết quả của mô hình. Mô hình đã trình diễn ba giống mới.

- BM9820 là giống có năng suất cao, phù hợp cho những vùng mà bà con nông dân hiện vẫn còn thiếu lương thực. Đặc điểm của giống lúa này là thời gian sinh trưởng ngắn, vụ mùa từ 110 ngày đến 115 ngày, vụ xuân 125 đến 130 ngày. Cao cây trung bình 100cm, cứng cây chống đổ rất tốt, kháng một số loại sâu bệnh chính như bệnh bạc lá, khô vằn và kháng được rầy nâu. BM9820 có bông dài, có tỷ lệ hạt chắc trên bông cao từ 170 - 250 hạt/bông vì vậy tiềm năng năng suất rất cao. Năng suất trung bình của BM9820 đạt 70 tạ/ha/vụ, thâm canh cao có thể đạt 80 - 90 tạ/ha/vụ, trên thực tế tại vùng lòng chảo Điện Biên theo báo cáo của phòng nông nghiệp huyện đã thử nghiệm ở mô hình nhỏ giống BM9820 đã đạt năng suất 11,2 tấn/ha/vụ vụ xuân 2000.

- Giống HT1: là giống lúa thuần thơm mới được nhập nội vào nước ta. Thời gian sinh trưởng vụ mùa là 103 - 105 ngày, vụ xuân 120 - 125 ngày, có tính cảm ôn (có thể gieo cấy được cả hai vụ trong năm) cao cây 100 - 105 cm, dạng cây gọn, có mùi thơm từ mạ và lúa, đẻ nhánh khá, chống đổ trung bình, chịu rét và chịu chua trung bình khá, kháng vừa với bệnh đạo ôn và bệnh bạc lá, chịu thâm canh và chống đổ trung bình, trổ tập chung, bông dài 22 - 25 cm, số hạt trên bông 112 - 120 hạt/ bông hạt nhỏ P1000 hạt 20 - 21 gram, hạt thon nhỏ, vỏ trấu vàng nâu sẫm. Năng suất trung bình qua khảo nghiệm đạt 55 - 60 tạ/ha/vụ. Chân đất thích hợp là đất vằn trung bình và vằn cao.

- Giống nếp N97: Là giống có thời gian sinh trưởng vụ mùa 108 - 113 ngày, vụ xuân 125 - 130 ngày. Chiều cao cây 90 cm, cứng cây, chống đổ tốt, kháng bệnh đạo ôn, khô vằn, bạc lá, đẻ nhánh khỏe, bông dài, to có 170 - 250 hạt/bông, trọng lượng 1000 hạt 25 - 26 gram. Xôi dẻo ngon hơn nếp 87. Năng

suất cao hơn nếp 87 từ 10 - 20%. Là một giống lúa nếp của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam chọn tạo ra, vừa có năng suất cao và chất lượng tốt phù hợp với tập quán đồng bào vùng lòng chảo Điện Biên và người dân vùng núi, thường thích ăn gạo nếp.

Dự án còn trình diễn giống IR64 là giống lúa chủ lực của tỉnh Lai châu nói chung và của huyện Điện Biên nói riêng.

Dự án đầu tư 100% các giống lúa, hỗ trợ phân lân, kali, thuốc bảo vệ thực vật theo quy trình kỹ thuật đồng thời hướng dẫn, tập huấn quy trình kỹ thuật thâm canh các giống lúa trên cho những bà con nông dân tham gia xây dựng mô hình.

+ Tổng diện tích mô hình: 32ha/2năm.

Dự án đào tạo 5 kỹ thuật viên tại hội trường phòng nông nghiệp huyện Điện Biên và tập huấn, hướng dẫn quy trình thâm canh các giống lúa mới trên (HT1, N97, BM9820 và IR64) cho 300 lượt nông dân tham gia xây dựng mô hình.

Kinh phí xây dựng mô hình trình diễn các giống lúa mới từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương là: 238.720.000 đồng.

Từ kết quả của mô hình trình diễn Dự án sẽ đưa vào cơ cấu sản xuất giống của địa phương từ 1 - 2 giống trong bộ giống đã trình diễn.

4. Mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1

Sản xuất hạt giống lúa lai F1 là một trong những tiến bộ Khoa học công nghệ tương đối phức tạp vì vậy ứng dụng công nghệ này đòi hỏi phải có sự thống nhất và tuân thủ nghiêm ngặt các khâu kỹ thuật.

Để đảm bảo thành công cho mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1, dự án đã chọn Trại giống nông nghiệp huyện Điện Biên, là đơn vị chuyên sản xuất hạt giống lúa cho tỉnh Lai Châu, có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật của Trại đủ điều kiện để xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1.

+ *Địa điểm thực hiện:* Trên cánh đồng sản xuất lúa Trại giống nông nghiệp Thanh An, Điện Biên.

+ *Quy trình công nghệ:* Để đạt được mục tiêu và yêu cầu của Dự án đề ra Viện khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam chọn những giải pháp Khoa học công nghệ phù hợp với địa bàn thực hiện Dự án cụ thể: Đầu tư 100% hạt giống lúa bố, mẹ đạt phẩm cấp hạt nguyên chủng theo tiêu chuẩn ngành, kiểm tra kỹ về các chỉ tiêu kỹ thuật trước khi cấp phát để xây dựng mô hình bên cạnh đó lựa chọn các giải pháp khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của địa phương. Dự án hỗ trợ phân lân, kali và thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng, nilon, cọc tre cho mô hình theo đúng số lượng và thời điểm cần có như thuyết minh dự án được phê duyệt. Cán bộ của Viện đã hướng dẫn, tập huấn quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa lai ba dòng Bac ưu 903 và Nhị ưu 838 cho cán bộ và công nhân Trại giống .

+ *Tổng diện tích mô hình:* 10 ha/2 năm, vụ xuân 2002 sản xuất 3 ha tổ hợp giống Bac ưu 903, vụ xuân 2003 sản xuất 7 ha tổ hợp Nhị ưu 838.

Dự án đào tạo 10 kỹ thuật viên tại hội trường Trại giống nông nghiệp huyện Điện Biên. Tập huấn quy trình công nghệ sản xuất hạt giống lúa lai F1 tổ hợp Bac ưu 903 và tổ hợp Nhị ưu 838 cho 400 lượt công nhân tham gia xây dựng mô hình tại Trại.

Kinh phí xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa lai ba dòng F1 từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương là: 168.480.000 đồng.

V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Hiệu quả kinh tế trực tiếp từ các mô hình.

Sau hai năm thực hiện dự án, hiệu quả kinh tế trực tiếp từ các mô hình đạt được như sau:

+ 20 ha mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng đạt năng suất trung bình 4 tấn/ ha đã cung cấp khoảng 80 tấn lúa giống nguyên chủng cho các xã tham gia dự án, từ nguồn giống này các xã đã tiếp tục sản xuất hạt

giống cấp I phổ biến cho sản xuất của huyện Điện Biên và các huyện khác trong tỉnh.

+ 95 ha mô hình sản xuất hạt giống lúa cấp I năng suất trung bình đạt 4,5 tấn/ ha đã cung cấp 450 tấn thóc giống cấp I có phẩm cấp tốt (khoảng 220 - 230 tấn/ năm) cho sản xuất nông nghiệp của huyện Điện Biên và huyện Tuần Giáo, đáp ứng 50% giống lúa của hai huyện trong mỗi năm.

+ 32 ha mô hình trình diễn một số giống lúa mới năng suất trung bình đạt 5,5 tấn/ ha đã cung cấp cho tỉnh 176 tấn thóc và làm tăng năng suất 5% so với giống cũ.

+ 10 ha mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1 đạt năng suất 2,5 tấn/ha đã cung cấp cho huyện 25 tấn thóc giống lúa lai ba dòng, giúp huyện chủ động mở rộng diện tích lúa lai cùng với cả nước phấn đấu một triệu hecta lúa lai trong tương lai.

Giá giống sản xuất ra tại chỗ rẻ hơn 20 - 25 % so với nhập nước ngoài đối với các giống thuần và 30 - 40% đối với các hạt giống lúa lai, do vậy các hộ nông dân trong huyện Điện Biên và các huyện khác sử dụng hạt giống cấp I và hạt giống lúa lai F1 do huyện sản xuất sẽ giảm chi phí đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, việc sử dụng các giống lúa có phẩm cấp tốt còn làm tăng năng suất từ 5 - 10%, giảm chi phí bảo vệ thực vật nên hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp sẽ tăng 10 - 15 %.

Các hộ nông dân tham gia xây dựng các mô hình nhân giống lúa, đã tăng thu nhập từ 25 - 30 % so với sản xuất bình thường từ lợi nhuận bán giống cho các đơn vị cung ứng giống lúa của huyện và của tỉnh, và chênh lệch đối giống giữa các hộ nông dân với tỷ lệ thích hợp.

Ước tính tổng giá trị kinh tế của cả bốn mô hình thu được là 1.740.450.000 đồng, trong đó lợi nhuận riêng cho nông dân 465.900.000 đồng.

2. Hiệu quả kinh tế triển vọng.

Từ hiệu quả kinh tế trực tiếp của các mô hình, khả năng nhân rộng xây dựng các mô hình trong toàn huyện Điện Biên, huyện Tuần Giáo và các huyện khác trong tỉnh Lai châu là rất lớn.

Sau 5 năm huyện Điện Biên có thể chủ động hoàn toàn về hạt giống lúa nguyên chủng, hạt giống lúa cấp I cung cấp cho các hợp tác xã, các hộ nông dân sản xuất giống trong tỉnh, nhờ vậy có thể đáp ứng được 80% nhu cầu về giống cho sản xuất đại trà của tỉnh.

Sau hai năm thực hiện dự án, huyện Điện Biên có thể chủ động cung cấp hạt giống lúa lai F1 cho nhu cầu sản xuất của tỉnh, góp phần hạ giá thành hạt giống, tạo điều kiện mở rộng diện tích sản xuất lúa lai, tăng năng suất và sản lượng lúa của tỉnh.

Sau khi kết thúc dự án huyện Điện Biên, huyện Tuần Giáo có thêm một giống lúa thơm, năng suất cao, một giống lúa nếp phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng, một giống lúa có tiềm năng năng suất rất cao thích ứng rộng và kháng một số loại sâu bệnh hại chính góp phần tăng năng suất và sản lượng thóc, giải quyết vấn đề an ninh lương thực của huyện nói riêng và của toàn tỉnh nói chung.

3. Hiệu quả xã hội.

Sự thành công và đạt hiệu quả cao của các mô hình đem lại sẽ tạo ra một phương thức sản xuất mới, một cách nghĩ mới cho các hộ nông dân trong huyện Điện Biên và huyện Tuần Giáo từ đó người dân sẽ biết cách khai thác tài nguyên sẵn có một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm du canh, du cư tiến tới định canh định cư, giảm chặt phá rừng, đốt nương, làm rẫy, bảo vệ môi trường và rừng đầu nguồn, ổn định cuộc sống cho đồng bào vùng cao.

Các mô hình được mở rộng trong sản xuất tạo sự tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập góp phần xóa đói giảm nghèo và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn miền núi, đảm bảo an ninh, chính trị xã hội của tỉnh Lai châu.

Dự án góp phần đào tạo kỹ năng điều hành quản lý, sản xuất nông nghiệp của đội ngũ cán bộ lãnh đạo huyện, và cán bộ xã, nâng cao năng lực khuyến nông, trình độ hiểu biết khoa học công nghệ và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống cho bà con nông dân.

Qua quá trình thực hiện dự án, năng lực công tác và trình độ quản lý của cán bộ tỉnh, và các cán bộ huyện, được nâng lên góp phần thuận lợi cho việc quản lý Nhà nước trong lĩnh vực công tác giống cây trồng.

4. Các nguồn vốn đã huy động.

Kinh phí thực hiện dự án: 1.466.016.000 đồng.

Trong đó từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương là 500.000.000 đồng từ ngân sách sự nghiệp khoa học địa phương 30.730.000 đồng và từ các nguồn khác là 935.280.000 đồng.

Kinh phí được phân bố theo bảng sau:

Đơn vị tính : 1.000đồng

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số kinh phí	Trong đó					
			Thuê khoán chuyên môn và đào tạo KTV	NVL năng lượng	Chi phí LĐ trực tiếp sản xuất	Máy móc thiết bị	XD sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	Tổng số	1.466.016	129.910	704.310	573.000	13.050	0	45.746
2	Trong đó :							
3	Ngân sách SNKHTƯ	500.000	117.660	342.024	0	13.050	0	27.266
4	Ngân sách SNKH địa phương	30.730	12.250	0	0	0	0	18.480
5	Vốn tín dụng	0	0	0	0	0	0	0
6	Vốn của nhân dân	935.286	0	362.286	573.000	0	0	0

5. Thời gian thực hiện dự án:

Thời gian thực hiện dự án trong 2 năm từ tháng 5 năm 2001 đến tháng 6 năm 2003.

VI. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI DỰ ÁN

1. Phương pháp triển khai:

Dự án được triển khai theo phương pháp khuyến nông tổng hợp, từ khâu thu thập thông tin, thu thập số liệu xây dựng thuyết minh dự án cho đến khâu xây dựng các mô hình điểm.

Thành lập ban quản lý Dự án của tỉnh và ban quản lý Dự án các cấp cơ sở để tiếp nhận các điều kiện và triển khai xây dựng mô hình.

Tổ chức mở các lớp để đào tạo, tập huấn trong quá trình xây dựng các mô hình.

Xây dựng các mô hình sản xuất giống, mô hình trình diễn các giống mới và xây dựng mô hình sản xuất hạt lai F1 từ đó nhân rộng mô hình trong sản xuất.

Đánh giá kết quả các mô hình trên thực địa.

Sau mỗi vụ sản xuất có báo cáo kết quả các mô hình lên ban chỉ đạo dự án để đánh giá và rút ra những bài học kinh nghiệm.

Sản phẩm của dự án được cung cấp tại địa bàn thực hiện dự án, thông qua các phương thức người dân tự trao đổi để làm giống, phần còn lại có thể cung cấp cho công ty giống để trao đổi với các huyện trong và ngoài tỉnh.

Vật tư nông nghiệp hỗ trợ cho nông dân theo đúng định mức của bản thuyết minh dự án, phần còn lại được bà con nông dân tự lo để đủ định mức theo quy trình.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã cử các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống lúa cùng với các cán bộ kỹ thuật của địa phương trực tiếp tham gia chỉ đạo xây dựng các mô hình, đồng thời tổ chức tập huấn cấp phát quy trình kỹ thuật đến tận tay bà con nông dân.

2. Các giải pháp tổ chức triển khai.

2.1. Giải pháp khoa học công nghệ.

Để đạt được mục tiêu và yêu cầu của Dự án đề ra Viện khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam lựa chọn những giải pháp Khoa học công nghệ phù hợp với địa bàn thực hiện Dự án như đào tạo, tập huấn, cung cấp bản quy trình hướng dẫn kỹ thuật sản xuất các loại giống lúa, sản xuất hạt giống lúa lai F1 các khâu kỹ thuật thâm canh các giống lúa mới, công tác bảo vệ thực vật nhằm nâng cao hiệu quả của dự án.

2.2. Giải pháp về tổ chức chỉ đạo, thực hiện dự án.

Đã xác định trách nhiệm các thành viên tham gia dự án gồm: Chủ nhiệm dự án, phó chủ nhiệm dự án, đơn vị triển khai, cơ quan chuyển giao khoa học công nghệ, các cơ quan phối hợp, nhóm cán bộ kỹ thuật, lãnh đạo và cán bộ cơ sở, nhóm hộ nông dân xây dựng các mô hình.

Đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể trên để thực hiện các mục tiêu dự án đã đặt ra.

Về tài chính: Đã cấp đủ, kịp thời bảo đảm chi đúng mục đích đạt kết quả tốt và quản lý chặt chẽ kinh phí Dự án.

Đã thành lập ban quản lý dự án cấp tỉnh gồm chủ nhiệm dự án, phó chủ nhiệm Dự án, thư ký Dự án và các chuyên viên Dự án.

2.3. Tiến độ thực hiện dự án.

- Tiến độ thực hiện dự án được thể hiện qua các bảng sau:
- Ban quản lý dự án thường xuyên theo dõi sát sao tiến độ thực hiện Dự án, đốc thúc thực hiện kế hoạch dự án đã đề ra.

TT	Thời gian (tháng)	Công việc đã làm	Nội dung đã thực hiện	Địa điểm	Kết quả	% đạt được
1	T1 - T2	Xây dựng Dự án	Bản dự án ban đầu	H. Điện Biên	Đã xong	100%
2	T3- T4	Bổ sung số liệu cho thuyết minh Dự án	Bản dự án đầy đủ	H. Điện Biên	Đã xong	100%
3	T5	Bảo vệ dự án và sửa thuyết minh dự án, lên kế hoạch xây dựng các mô hình dự án	Bản dự án đã được phê duyệt	H. Điện Biên	Đã xong	100%
4	T5- T6	Tổ chức tập huấn, cấp phát vật tư Triển khai thực hiện xây dựng các mô hình tại các điểm thực hiện dự án, Viết báo định kỳ kết quả các mô hình.	Tạo mô hình 50ha cấp I, 5ha trình diễn	H. Điện Biên	Xây dựng 53,91 ha mô hình sản xuất hạt giống lúa IR64 cấp I và 4,4ha trình diễn giống lúa HTI	Đạt 107,82% kế hoạch xây dựng mô hình sản xuất giống cấp I, Đạt 88% kế hoạch xây dựng mô hình trình diễn
5	T11- T12	Mở hội nghị đánh giá kết quả giai đoạn I của dự án	Kiểm tra tiến độ và đánh giá kết quả	H. Điện Biên	Đã xong	Đạt

NĂM 2002

TT	Thời gian (tháng)	Công việc đã làm	Nội dung đã thực hiện	Địa điểm	Kết quả thực đạt.	% đạt được
1	T1 - T3	Tổ chức tập huấn xây dựng mô hình - Mô hình sản xuất NC - Mô hình sản xuất cấp I - Mô hình trình diễn - Mô hình sản xuất hạt lai F1	Tạo các mô hình: - 10 ha sản xuất giống nguyên chủng - 30 ha sản xuất giống cấp I - 17 ha trình diễn giống mới - 5 ha sản xuất giống lúa lai F1	H. Điện Biên và huyện Tuần giáo	10 ha 15 ha 17 ha 3 ha	100% 50% 100% 60%
2	T5 - T6	Sơ kết giai đoạn I, hội nghị đầu bờ, tham quan đánh giá, giới thiệu mô hình cho các xã trong và ngoài huyện	Đạt kết quả đề ra	H. Điện Biên và huyện Tuần giáo	Đạt	Đạt
3	T6 - T10	Xây dựng triển khai tiếp các mô hình - Mô hình sản xuất NC - Mô hình sản xuất cấp I - Mô hình trình diễn - Mô hình sản xuất hạt lai F1	10 ha 15 ha 10 ha 5 ha	H. Điện Biên và huyện Tuần giáo	9 ha 22 ha 9,6 ha 7 ha	90% 147% 96% 140%
4	T10 - T11	Hội thảo đánh giá	Kiểm tra đánh giá kết quả triển khai dự án tại điểm	H. Điện Biên và huyện Tuần giáo	Đã xong	100%

NĂM 2003

TT	Thời gian (tháng)	Công việc đã làm	Nội dung đã thực hiện	Địa điểm	Kết quả	% đạt được
1	T6 - T7	Hội thảo hội nghị đánh giá các mô hình	Thu hoạch và đánh giá kết quả, viết báo cáo tổng kết dự án.	H. Điện Biên	Đã xong	100%
2	T8- T10	Tổng kết đề nghị ứng dụng các mô hình đã đạt được	Nghiệm thu và thanh lý Dự án, tổng kết các mô hình.	H. Điện Biên	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Kết quả xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng IR64 tại huyện Điện Biên.

1.1. Quy mô và địa điểm xây dựng mô hình.

Dự án xây dựng 20 ha mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng và được triển khai thực hiện trong 3 vụ: Vụ xuân, vụ mùa năm 2002 và vụ xuân 2003 tại hai điểm Trại giống nông nghiệp Điện Biên (19 ha) vụ xuân và vụ mùa 2002 và Thanh Xương (1 ha) vụ xuân 2003.

Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã sản xuất giống lúa IR64 siêu nguyên chủng, cung cấp cho dự án để xây dựng mô hình sản xuất hạt giống nguyên chủng.

1.2. Quy trình công nghệ.

Để đảm bảo sự thành công và đạt hiệu quả cao cho mô hình Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã nghiên cứu lựa chọn các giải pháp khoa học công nghệ phù hợp với địa phương để triển khai.

- + Giống đảm bảo phẩm cấp siêu nguyên chủng theo tiêu chuẩn ngành.

- + Trước khi đưa ra sản xuất, giống gốc phải được kiểm tra kỹ về chất lượng, tỷ lệ nảy mầm, và độ thuần của giống theo đúng yêu cầu tiêu chuẩn ngành.

- + Mở các lớp tập huấn hướng dẫn quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng cho bà con nông dân tham gia xây dựng mô hình.

- + Nghiên cứu và lựa chọn các phương pháp xây dựng quy trình bón phân cân đối, hợp lý cho mô hình và phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương.

- + Cán bộ kỹ thuật của Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam cùng với cán bộ kỹ thuật của đơn vị thực hiện dự án thường xuyên phối hợp kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển của cây lúa, kịp thời phát

hiện và phòng trừ những sâu bệnh hại và đưa ra những giải pháp hợp lý kịp thời và hữu hiệu.

1.3. Kết quả cụ thể của mô hình.

Các mô hình đã được gieo cấy đúng khung thời vụ của tỉnh, đồng thời mở các lớp tập huấn, cấp phát quy trình tới tận tay nông dân, công nhân và thường xuyên có cán bộ kỹ thuật của dự án và cán bộ kỹ thuật của địa phương chỉ đạo các khâu kỹ thuật trong quy trình sản xuất hạt giống lúa, vì vậy mô hình đạt được kết quả tốt. Bên cạnh đó thường xuyên có các buổi họp giữa chuyên gia của Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam với các chuyên viên Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp, cán bộ địa phương để thảo luận, đúc rút những kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và triển khai Dự án.

Kết quả cụ thể của mô hình được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1: Kết quả mô hình sản xuất lúa nguyên chủng(giống lúa IR64).

Chỉ tiêu Thời vụ	Diện tích (ha)	Năng suất TB (tấn/ha)	Sản lượng (Tấn)
Xuân 2002	10,0	6,10	61,00
Mùa 2002	9,0	5,93	53,37
Xuân 2003	1,0	10,00	10,00
Tổng cộng	20,0	TB: 6,2	124,37
Đạt (%) so với kế hoạch			155,4

Năng suất trung bình 10ha vụ xuân 2002 tại trại giống nông nghiệp đạt 6,1 tấn/ ha, sản lượng đạt được 61 tấn lúa giống IR64 nguyên chủng, vụ mùa 2002 cũng tại Trại giống năng suất trung bình 9 ha đạt 5,93 tấn/ha thấp hơn so với vụ xuân, sản lượng đạt được 53,37 tấn thóc giống. Vụ xuân 2003 gieo cấy 1 ha tại xã Thanh Xương, năng suất đạt 10 tấn/ ha, cao hơn năm trước là do trong vụ xuân 2003, điều kiện thời tiết rất thích hợp cho sản xuất lúa, cả tỉnh được mùa.

Năng suất trung bình toàn bộ mô hình đạt 6,2 tấn/ ha tổng sản lượng đạt được 124,37 tấn thóc giống IR64 nguyên chủng đạt 155,4% kế hoạch, (vượt kế hoạch 55,4%). Đây cũng là mô hình đạt kết quả cao nhất.

Mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng đạt được kết quả cao như vậy là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- + Sự kết hợp và chỉ đạo sát sao của ban chủ nhiệm dự án, sự nỗ lực của bà con nông dân, sự quan tâm tạo điều kiện của các ban ngành có liên quan.

- + Quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện của địa bàn thực hiện dự án, kết hợp với điều kiện thiên nhiên ưu đãi: Có biên độ nhiệt độ ngày đêm chênh lệch cao ($30^{\circ}\text{C} - 15^{\circ}\text{C}$), thuận lợi cho quá trình quang hợp của cây lúa, quá trình hô hấp giảm vì vậy khả năng tích lũy chất khô nhiều, kết hợp với mật độ số bông trên mét vuông cao ($450 - 480 \text{ bông/m}^2$) vì vậy mô hình đạt năng suất cao.

Về chất lượng: Hạt giống lúa sản xuất ra đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ngành, độ thuần đồng ruộng 99,99% cây khác dạng trên ruộng sản xuất giống được kiểm tra kỹ và được chỉ đạo khử lẫn triệt để, vì vậy chất lượng lô hạt giống lúa sản xuất ra đảm bảo yêu cầu.

Về hiệu quả xã hội: Dự án đã góp phần nâng cao hiểu biết về Khoa học Công nghệ cho công nhân Tại giống nông nghiệp Điện Biên và bà con nông dân của xã Thanh Xương, được họ tham gia nhiệt tình tự giác và tin tưởng.

Về kết quả khoa học công nghệ: Qua quá trình triển khai xây dựng mô hình, Dự án đã đánh giá được tính đúng đắn của quy trình sản xuất giống lúa nguyên chủng. Quy trình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng đã đáp ứng được những yêu cầu của dự án đã đề ra cả về chất lượng và kỹ thuật có khả năng mở rộng ứng dụng trong sản xuất.

Dự án cung cấp cho tỉnh một lượng lớn hạt giống nguyên chủng IR64 để từ đó nhân tiếp hạt giống cấp I, giúp tỉnh chủ động lượng giống cung cấp cho bà con nông dân trong toàn tỉnh

2. Kết quả xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa cấp I giống lúa IR 64 (95 ha) tại hai huyện Điện Biên và huyện Tuần Giáo.

2.1. Quy mô và địa điểm xây dựng mô hình.

Dự án triển khai xây dựng mô hình 95 ha sản xuất hạt giống lúa cấp I giống IR64, mô hình được triển khai thực hiện trong hai năm (vụ mùa 2001 vụ xuân 2003).

Mô hình được xây dựng ở hai huyện, Tuần Giáo ở các xã Quài Cang, xã Quài Nưa và thị Trấn Tuần Giáo và huyện Điện Biên ở các xã Thanh Chân, Thanh An, Thanh Xương, C 9 - Công ty Cây công nghiệp và xã Sam Mứn.

Nguồn giống nguyên chủng IR64 (giống để sản xuất ra giống cấp I) do Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam sản xuất và cung cấp cho dự án để xây dựng mô hình sản xuất hạt giống IR 64 cấp I cho huyện Điện Biên và huyện Tuần Giáo.

2.2. Quy trình công nghệ.

Để đảm bảo sự thành công và đạt hiệu quả cao cho mô hình Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam, đã nghiên cứu lựa chọn các giải pháp quy trình công nghệ phù hợp với địa bàn triển khai xây dựng mô hình Dự án.

- + Giống đảm bảo phẩm cấp giống nguyên chủng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng hạt giống như độ thuần theo tiêu chuẩn ngành, được kiểm tra kỹ về chất lượng, tỷ lệ nảy mầm và độ lẫn giống.

- + Mở các lớp tập huấn hướng dẫn quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa cấp I.

- + Nghiên cứu xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho từng cụ thể và phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương.

- + Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật của Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam cùng cán bộ kỹ thuật của đơn vị thực hiện dự án thường xuyên kiểm tra, theo dõi quá trình sinh trưởng và phát triển của cây lúa để kịp thời phát hiện và phòng trừ những sâu bệnh hại có hiệu quả.

2.3. Kết quả cụ thể của mô hình.

Mô hình sản xuất giống lúa IR64 cấp I là một trong những mô hình trọng điểm với diện tích cao nhất (95 ha) trong các mô hình của dự án, có ý nghĩa thực tiễn cao, đáp ứng được những yêu cầu của bà con nông dân trong tỉnh, đã cung cấp giống lúa là sản phẩm của Dự án cho bà con nông dân trong hai huyện Điện biên, Tuần giáo và các huyện khác trong tỉnh. Việc mở rộng những mô hình ra các xã trong hai huyện đã khẳng định và chứng minh được tính đúng đắn của dự án, và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của hai huyện.

Dự án đã gieo cấy đúng trong khung thời vụ của tỉnh nên cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Các khâu kỹ thuật sản xuất giống lúa tuân thủ theo yêu cầu quy trình kỹ thuật, riêng xã Quài Nưa vụ mùa 2002 do thiếu nước bà con nông dân gieo lúa chậm hơn so với lịch thời vụ một vài ngày (10/7 mới gieo xong) tuy nhiên vẫn đảm bảo năng suất và chất lượng hạt giống.

Dự án đã hỗ trợ giống lúa, phân lân, kali, thuốc bảo vệ thực vật và được cấp phát tới bà con nông tham gia mô hình, đồng thời dự án cũng đã cung cấp một số lượng lớn bản quy trình sản xuất hạt giống tới tận tay bà con nông dân các thôn bản của các xã đã tham gia dự án.

Kết quả cụ thể của mô hình được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2: Diện tích và năng suất mô hình giống lúa IR64 cấp I.

Chỉ tiêu Thời vụ	Diện tích (ha)	Năng suất TB (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
Mùa 2001	53,91	5,16	278,17
Xuân 2002	15,0	7,05	105,75
Mùa 2002	22,0	5,60	123,20
Xuân 2003	4,09	10,0	40,90
Tổng cộng	95,00	TB: 5,86	548,02
Đạt (%) so với kế hoạch	100	130,2	128,2

Số liệu bảng trên cho thấy: Diện tích của mô hình sản xuất hạt giống cấp I đạt 100% kế hoạch.

Về năng suất: Vụ mùa năm 2001 là vụ đầu tiên triển khai xây dựng 53,91 ha tại huyện Điện Biên, năng suất trung bình đạt 5,16 tấn/ ha, sản lượng của mô hình đạt 278,17 tấn thóc. Vụ xuân 2002 Dự án xây dựng 15 ha mô hình ở cả hai huyện Tuần Giáo và huyện Điện Biên năng suất trung bình đạt 7,05 tấn/ ha sản lượng đạt 105,75 tấn thóc giống IR64 cấp I. Vụ mùa 2002 Dự án xây dựng 22 ha mô hình cũng ở hai huyện Tuần Giáo và Điện Biên, năng suất trung bình đạt 5,6 tấn/ha và sản lượng đạt 123,2 tấn thóc giống, sang tới vụ xuân 2003 mô hình chỉ còn lại 4,09 ha thực hiện ở xã Thanh Xương(một trong những xã tham gia thực hiện dự án từ những năm đầu) năng suất đạt 10 tấn/ ha và sản lượng đạt 40,09 tấn thóc đây cũng là vụ có năng suất cao nhất trong hai năm triển khai dự án.

Năng suất trung bình của toàn mô hình đạt 5,86 tấn/ ha, tổng sản lượng của mô hình thu được 548,02 tấn thóc giống IR64 cấp I, đạt 128,2 % kế hoạch, vượt kế hoạch 28,2 %.

Hạt giống sản xuất ra đạt tiêu chuẩn về độ thuần, độ sạch và độ đúng giống theo tiêu chuẩn ngành. Sản phẩm được bà con nông dân ở hai huyện tiếp nhận và rất phấn khởi.

Về kết quả xã hội: Dự án đã góp phần nâng cao đời sống cho bà con nông dân trong hai huyện tham gia dự án, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số qua việc cung cấp hơn năm trăm tấn thóc giống có đủ phẩm cấp. Ngoài ra mô hình đã góp phần nâng cao hiểu biết cho bà con nông dân, nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ huyện, cán bộ xã trong công tác quản lý và sản xuất hạt giống lúa tại địa phương.

Về kết quả khoa học: Mô hình đã chứng minh được tính phù hợp của quy trình sản xuất hạt giống lúa cấp I với điều kiện sinh thái của tỉnh.

3. Kết quả thực hiện mô hình trình diễn một số giống lúa mới, năng suất cao và chất lượng tốt (HT1, IR64, N97, BM9820).

3.1. Quy mô và địa điểm xây dựng mô hình.

Mô hình trình diễn giống lúa mới có quy mô 32 ha và được triển khai trong 4 vụ từ vụ mùa 2001 cho tới vụ xuân 2003 tại các xã Thanh Chấn, Thanh An, Noọng Hẹt và xã Thanh Xương (thuộc huyện Điện Biên). Mô hình trình diễn 4 giống lúa IR 64, N97, HT1 và BM 9820 trong đó ba giống N97, HT1, BM9820 là ba giống lúa mới có năng suất cao và chất lượng tốt.

3.2. Quy trình công nghệ.

— Để đảm bảo sự thành công và đạt hiệu quả cao, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam, đã nghiên cứu lựa chọn các giải pháp quy trình công nghệ phù hợp với các điều kiện của địa phương.

+ Các giống lúa mới được nghiên cứu kỹ về đặc tính sinh thái nông sinh học và đánh giá khả năng phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng. Hạt giống đảm bảo phẩm cấp và chất lượng theo tiêu chuẩn ngành.

+ Xây dựng quy trình bón phân cân đối hợp lý cho từng giống, từng vụ và phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương thực hiện dự án.

+ Mở các lớp tập huấn hướng dẫn quy trình kỹ thuật thâm canh và giới thiệu đặc tính nông sinh học của từng giống đưa ra trình diễn cho bà con nông dân nắm được.

+ Chuyên gia của Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam và cán bộ chỉ đạo kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình cụ thể khả năng sinh trưởng và phát triển của cây lúa kịp thời để nếu phát hiện sâu bệnh thì đưa ra những giải pháp phòng trừ hợp lý và hiệu quả.

3.3. Kết quả cụ thể của mô hình.

Với quy trình công nghệ phù hợp, mô hình trình diễn các giống lúa mới đã đạt kết quả cao tại các xã thực hiện dự án, trong đó phải kể tới mô hình trình diễn giống lúa HT1 là một trong những giống lúa thơm phù hợp tốt với điều kiện sinh thái của huyện Điện Biên đồng thời có năng suất cao và chất lượng tốt vì vậy diện tích sản xuất giống HT1 ngày một tăng và được mở rộng ra các huyện khác trong tỉnh.

Giống lúa N97 là giống lúa nếp có TGST trung bình, năng suất cao, chất lượng tốt, đặc biệt có hộ gia đình đã đạt được 12,5 tấn/ha (Quảng Văn Minh xã Thanh Xương vụ xuân 2002), chống chịu với các điều kiện ngoại cảnh và các dịch sâu bệnh hại, phù hợp với tập quán ăn gạo nếp của đồng bào dân tộc miền núi nên được mở rộng nhanh khắp các huyện trong tỉnh.

Giống lúa BM 9820 cũng đạt rất cao năng suất 12 tấn/ha. Theo phòng nông nghiệp huyện Điện Biên và vụ xuân 2002 đạt 9,6 tấn/ha ở các xã thuộc vùng dự án. Tuy năng suất cao nhưng chất lượng gạo trung bình khá, nên bà con dùng gạo của giống này để sản xuất các loại bánh, bún và kết hợp với các mô hình chăn nuôi.

Mô hình trình diễn các giống lúa mới là một trong những mô hình phản ánh hiệu quả rõ nhất những kết quả đạt được của Dự án.

Kết quả cụ thể của mô hình được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3 : Mô hình trình diễn giống lúa mới, HT1, N97 và BM9820.

Chỉ tiêu Thời vụ	Giống	Diện tích (ha)	Năng suất TB (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
Mùa 2001 (4,4 ha)	HT1	4,4	5,5	24,2
Xuân 2002 (17 ha)	BM9820	3,0	10,0	30,0
	HT1	8,0	8,0	64,0
	N97	3,0	10,8	32,4
	IR64	3,0	7,4	22,2
Mùa 2002 (9,6 ha)	BM9820	1,0	6,3	6,3
	HT1	6,6	7,2	47,5
	N97	1,0	6,1	6,1
	IR64	1,0	6,2	6,2
Xuân 2003 (1 ha)	HT1	0,5	10,0	5,0
	N97	0,5	11,5	5,5
Tổng cộng		32	TB: 7,79	249,4
Đạt (%) so với kế hoạch		100	141,6	141,7

Về diện tích của mô hình: Dự án đã thực hiện 100% kế hoạch đã đặt ra. Vụ mùa năm 2001 có 4,4 ha trình diễn giống HT1 tại xã Thanh Chân năng suất trung bình đạt 5,5 tấn/ha, sản lượng đạt 24,2 tấn thóc. Vụ xuân 2002 diện tích mô hình được xây dựng là 17 ha năng suất trung bình đạt 8,7 tấn/ha tổng sản lượng đạt 148,58 tấn thóc. Vụ mùa 2002 tiếp tục mở rộng diện tích giống mới trong địa bàn huyện trong đó có 9,6 ha trình diễn ba giống lúa trên, năng suất trung bình đạt 6,89 tấn/ha và sản lượng đạt 66,1 tấn thóc, Vụ xuân 2003 là vụ cuối cùng của dự án, diện tích mô hình trình diễn chỉ còn 1 ha đã trình diễn hai giống N97 và HT1, khẳng định khả năng phù hợp của các giống trình

diễn trên địa bàn thực hiện dự án, năng suất trung bình đạt 10,5 tấn/ ha trong đó giống nếp 97 năng suất trung bình đạt 11,5 tấn/ha sản lượng đạt 10,5 tấn thóc.

Năng suất trung bình toàn bộ mô hình đạt 7,6 tấn/ha, tổng sản lượng của cả mô hình thu được 249,4 tấn thóc, đạt 141,7% kế hoạch đề ra, vượt 41,7 % kế hoạch.

Về kết quả xã hội: Mô hình đã được xây dựng thành công trên địa bàn thực hiện dự án, cung cấp hàng trăm tấn thóc N97, HT1, BM9820 tương đương với phẩm cấp giống nguyên chủng là nguồn giống cung cấp cho các vụ tiếp theo đồng thời nâng cao trình độ dân trí, từng bước xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, xóa bớt tập quán canh tác lạc hậu của bà con nông dân, ổn định chính trị xã hội và nâng cao trình độ thâm canh, trình độ quản lý của cán bộ huyện xã cơ sở.

Về kết quả khoa học: Dự án đã xây dựng được quy trình kỹ thuật thâm canh, các giống lúa mới N97, HT1, BM9820 và giống IR64 phù hợp với địa bàn huyện Điện Biên.

+ Đưa ba giống lúa N97, HT1, và giống BM9820 vào cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho tỉnh Lai châu nói chung và huyện Điện Biên nói riêng, góp phần làm phong phú thêm bộ giống lúa của tỉnh.

+ Dự án còn góp phần đánh giá được tiềm năng năng suất của cây lúa trên địa bàn nói riêng và cả nước nói chung.

+ Hai giống lúa thuần BM9820 (đạt 12 tấn/ha) và giống lúa nếp N97 (đạt 12,5 tấn/ha) là hai giống đạt năng suất cao nhất trong số các giống lúa thuần và lúa nếp mới hiện nay trên cả nước.

Các mô hình trên ngày càng được mở rộng trên toàn tỉnh nói chung và huyện Điện Biên nói riêng, vụ mùa 2003 diện tích cấy giống lúa HT1 và

giống nếp N97 đạt 20% diện tích toàn huyện, đây là hiệu quả lâu dài của dự án.

4. Kết quả xây dựng mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1 3 dòng Bắc Ưu 903 và Nhị ưu 838.

4.1. Quy mô và địa điểm triển khai của mô hình:

Diện tích xây dựng mô hình là 10 ha, được thực hiện tại Trại giống Nông nghiệp huyện Điện Biên, trong đó vụ xuân năm 2002 sản xuất 3 ha tổ hợp Bắc ưu 903, vụ xuân năm 2003 sản xuất 7 ha tổ hợp Nhị ưu 838.

4.2. Quy trình công nghệ:

Để đảm bảo sự thành công và đạt hiệu quả cao cho mô hình Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã lựa chọn các giải pháp khoa học công nghệ như sau:

- + Các lô giống lúa bố, lúa mẹ phải được kiểm tra kỹ về chất lượng nắm chắc các đặc tính nông sinh học các giống bố và giống mẹ của cả hai tổ hợp và khả năng phù hợp của các giống lúa trên với điều kiện sinh thái của vùng, để bố trí thời vụ hợp lý nhằm đạt được hiệu quả cao nhất cho mô hình, đáp ứng được yêu cầu dự án đề ra.

- + Mở các lớp tập huấn hướng dẫn quy trình kỹ thuật để giới thiệu rõ các đặc tính nông sinh học và yêu cầu kỹ thuật của từng tổ hợp để công nhân nắm được và thực hiện tốt.

- + Nghiên cứu cách bón phân cân đối hợp lý và quản lý dịch hại trong suốt thời gian sản xuất hạt giống lúa lai cho từng tổ hợp, phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương.

- + Cán bộ của Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam cùng cán bộ kỹ thuật của đơn vị thực hiện Dự án thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển của cây lúa kịp thời phát hiện sâu bệnh để phòng trừ có hiệu quả nhất.

Sản xuất hạt giống lúa lai F1 là một tiến bộ khoa học mới, có lượng ý nghĩa khoa học cao. Mô hình đã khẳng định khả năng sản xuất hạt giống lúa lai của tỉnh, giúp tỉnh giảm thiểu chi phí đầu vào cho sản xuất nông nghiệp. Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam cùng với Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Lai châu chọn địa điểm xây dựng mô hình tại Trại giống nông nghiệp huyện Điện Biên là đơn vị có trình độ khoa học khá có tinh thần trách nhiệm cao và nhiều kinh nghiệm, công nhân hăng hái lao động và ham học hỏi, nên đã rất thành công.

Nhi ưu 838 và Bắc ưu 903 là hai trong số những tổ hợp lúa lai đang phát triển mạnh trên địa bàn tỉnh Lai Châu và trên cả nước vì vậy sản xuất hai tổ hợp lúa lai này đã đáp ứng được nhu cầu giống lúa lai của tỉnh, góp phần vào mục tiêu phấn đấu 1.000.000 ha lúa lai trong cả nước vào năm 2005.

Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã cử chuyên gia về sản xuất hạt giống lúa lai F1 và các cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm trong quá trình sản xuất hạt giống lúa lai, tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho công nhân và cán bộ của Trại giống cung cấp quy trình, tài liệu về sản xuất hạt giống lúa lai và thường xuyên kết hợp với Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh, lãnh đạo Trại giống Nông nghiệp, kiểm tra quá trình thực hiện các khâu công việc từ khi ngâm ủ giống cho tới khi thu hoạch.

4.3. Kết quả cụ thể.

- Về diện tích: Dự án đã triển khai thực hiện 100% kế hoạch diện tích, khẳng định được khả năng sản xuất các tổ hợp Bắc ưu 903 và Nhi ưu 838 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Về vật tư nông nghiệp: Dự án cung cấp đủ vật tư đã phê duyệt, một phần do trại giống nông nghiệp bổ xung để đáp ứng đủ theo quy trình sản xuất.

- Về năng suất:

Vụ xuân 2002 tổ hợp 903 đạt năng
hoạch 0,5 tấn/ha, nguyên nhân là vì lúc c
thì gặp điều kiện thời tiết bất thuận trời
lượng hạt lai vụ xuân 2002 chỉ đạt 6 t
chuẩn ngành về phẩm cấp cũng như.

Vụ xuân 2003 tổ hợp Nhị ưu 838
tấn/ha sản lượng 21,14 tấn thóc giống Nhị ưu 838.

Kết quả của mô hình cả trong hai năm sản xuất
giống lúa lai đạt 108,5% kế hoạch, vượt kế hoạch 8,5%. Tuy nhiên
hình yêu cầu trình độ khoa học kỹ thuật cao, cần nghiên cứu kỹ các quy
về thời tiết, bố trí thời vụ thích hợp đồng thời nắm vững quy trình kỹ thuật sản
xuất hạt giống lúa lai thì mô hình mới có thể đạt được kết quả cao hơn trong
những vụ sản xuất tiếp theo.

Bảng 4: Kết quả thực hiện mô hình lúa lai 2002-2003.

	Kế hoạch			Kết quả			% đạt kế hoạch
	DT (ha)	NS (tấn/ha)	SL (tấn)	DT (ha)	NS (tấn/ha)	SL (tấn)	
Mô hình sản xuất hạt F1	10	2,5	25	10	2,714	27,14	108,50

Mặc dù còn nhiều khó khăn về giao thông đi lại trong quá trình triển
khai thực hiện Dự án song các mô hình đều đạt kết quả tốt. Toàn bộ cả 4 mô
hình dự án đã được thực hiện đầy đủ về diện tích, nội dung và đạt mục tiêu
của dự án đã đề ra. (bảng 5)

Bảng 5: Tổng hợp diện tích, địa điểm triển khai các n

Nội dung Địa điểm	Mô hình IR64 NC	Mô hình IR64 XN	Mô hình Lúa lai	Mô hình Trình diễn (HT1, N97, BM9820, IR64)	Tổng
TOÀN BỘ DỰ ÁN	20	95	10	32	157
Trại giống Điện Biên	19		10		29,0
HTX Thanh Chân		10,24		4,4	14,64
Đội 9		19,25			19,25
HTX Thanh Xương	1	4,09		12,6	17,69
HTX Sa Mán		5,0			5,0
HTX Thanh An		34,42		6,0	40,42
Xã Quài Cang		9,0			9,0
Xã Quài Nưa		9,0			9,0
Noong het				9,0	9,0
Thị trấn Tuần Giáo		4,0			4,0
Mức đạt năng suất so với kế hoạch (%)	155,4	128,02	108,50	141,70	129,80
Sản lượng hạt giống (tấn)	124,37	548,02	27,14	249,40	948,93

5. Kết quả về đào tạo.

Vấn đề đào tạo được chú trọng hàng đầu. Vì vậy muốn xây dựng thành công các mô hình thì bà con nông dân tham gia Dự án phải được tập huấn để nắm vững các quy trình có liên quan. Dự án đã thường xuyên mở các cuộc hội thảo để đánh giá kết quả và trao đổi kinh nghiệm trong công tác quản lý, xây dựng và triển khai các mô hình Dự án, giúp cán bộ cơ sở nâng cao trình độ và năng lực thực tế.

Dự án đã mở được nhiều lớp tập huấn tới tận các thôn bản ở cả hai huyện Tuần Giáo và huyện Điện Biên cụ thể:

Tại huyện Điện Biên:

Vụ mùa 2001 Dự án đã mở 4 lớp tập huấn, hướng dẫn quy trình sản xuất hạt giống và các quy trình thâm canh của các giống lúa và thu hút được 477 lượt bà con nông dân, công nhân tham dự.

Vụ xuân 2002 Dự án đã mở 6 lớp tập huấn và có 439 lượt bà con nông dân tham gia tập huấn.

Tại huyện Tuần Giáo:

Vụ xuân 2002 Dự án đã mở 3 lớp tập huấn có 103 lượt bà con nông dân tham dự.

Vụ mùa 2002 ở cả 2 huyện Tuần Giáo và huyện Điện Biên đã mở các lớp tập huấn và đã có 275 lượt cán bộ và bà con nông dân tham dự.

Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã tổ chức 2 cuộc hội thảo lớn nhằm đánh giá kết quả đạt được của dự án cuộc thứ nhất vào tháng 5/2002 có 80 đại biểu tham dự và cuộc thứ 2 có 58 đại biểu tham dự.

Vụ xuân 2003.

Vào vụ cuối cùng của Dự án, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã phối hợp với Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Lai châu, Sở Nông nghiệp tổ chức hội nghị đánh giá hiệu quả của dự án tại hội trường UBND huyện Điện biên có trên 150 đại biểu tham dự của Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh, UBND huyện Điện Biên, Tuần Giáo. . . các xã tham gia dự án một số cơ quan thông tin đại chúng của trung ương và địa phương cùng với đại diện Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham dự.

Bảng 6: Số lượt người được đào tạo tập huấn và dự hội thảo.

TT	Vụ	Lượt người dự tập huấn	Lượt người dự hội thảo
1	Mùa 2001	477	0
2	Xuân 2002	493	58
3	Mùa 2002	275	80
4	Xuân 2003	125	153
5	Tổng	1.370	291

PHẦN III

KẾT LUẬN

1. Nhận xét chung

Sau hai năm thực hiện dự án, được sự chỉ đạo của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai châu, sự phối hợp thường xuyên giữa Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Lai châu với Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam, Dự án đã triển khai một cách thuận lợi và thu được nhiều kết quả cao. Nhìn chung tất cả các nội dung của dự án được hoàn thành, kết quả các mô hình đều đạt yêu cầu đề ra cụ thể:

- + Dự án đã xây dựng thành công mô hình sản xuất hạt giống lúa IR 64 cấp nguyên chủng, mô hình sản xuất hạt giống lúa IR 64 cấp I, đưa và trình diễn thành công ba giống lúa HT1, N97, BM9820, IR64, và đặc biệt khẳng định khả năng sản xuất được hạt giống lúa lai ba dòng F1 tại Trại giống nông nghiệp Điện Biên mở ra một tiềm năng mới khai thác hiệu quả kinh tế từ việc sản xuất hạt giống lúa lai cho tỉnh.

- + Dự án đã cung cấp hàng trăm tấn giống nguyên chủng và giống cấp I cho các huyện trong tỉnh, chuyển giao nhiều tiến bộ khoa học mới cho bà con nông dân. Dự án đã đưa được ba giống lúa mới vào cơ cấu sản xuất lúa cho tỉnh Lai châu nói chung và các huyện nói riêng.

- + Những kỹ thuật tiến bộ mới mà dự án chuyển giao đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của hệ thống cây trồng, thay đổi tập quán canh tác của rất nhiều hộ nông dân nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Phần lớn các khâu kỹ thuật này được đánh giá cao và phù hợp với địa bàn thực hiện Dự án vì vậy được ứng dụng rộng trong sản xuất.

- + Dự án đã cung cấp và tập huấn các kỹ thuật cho một lượng lớn cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và bà con nông dân của các xã tham gia dự án thuộc hai huyện. Đây là một hoạt động chuyển giao ứng dụng các kỹ thuật tiến

bộ mới vào thực tiễn sản xuất đạt hiệu quả cao để thực hiện, thông qua đó trình độ nông dân được nâng lên một bước đáng kể, trình độ quản lý và chỉ đạo sản xuất của cán bộ xã, cán bộ thôn bản đã được cải thiện một cách rõ rệt. Đây chính là hiệu quả cơ bản lâu dài và bền vững của dự án.

2. Hiệu quả kinh tế thực tiếp của dự án.

Dự án đã hoàn thành 100 % kế hoạch về diện tích gồm: 20 ha mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng IR64, 95 ha mô hình sản xuất hạt giống lúa IR64 cấp I, đưa vào và trình diễn thành công 32 ha giống HT1, N97, BM9820, IR64 và 10 ha sản xuất hạt giống lúa lai ba dòng F1 tổ hợp Bắc ưu 903 và Nhị ưu 838.

Về sản lượng thóc giống: Dự án đã đạt và vượt so với kế hoạch đặt ra cao nhất 55,4% (mô hình sản xuất hạt giống nguyên chủng), và thấp nhất vượt 8,50% (mô hình sản xuất hạt giống lúa lai ba dòng).

Sản lượng giống mà dự án sản xuất được là 948,93 tấn vượt kế hoạch 29,8%, trong đó bao gồm:

- + 124,37 tấn thóc giống cấp nguyên chủng IR64.**
- + 548,02 tấn thóc giống cấp I giống lúa IR64.**
- + 249,4 tấn thóc giống N97, HT1, BM9820 tương đương cấp giống nguyên chủng.**
- + 27,14 tấn hạt giống lúa lai F1 tổ hợp Nhị ưu 838 và Bắc ưu 903.**

Về kết quả khoa học: Đã bổ sung ba giống lúa mới HT1, N97, BM9820 vào cơ cấu giống của tỉnh, xây dựng được quy trình sản xuất hạt giống lúa lai F1 hai tổ hợp Bắc ưu 903 và Nhị ưu 838 phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Đặc biệt Dự án đã xác định được hai giống lúa đạt năng suất cao BM9820 (đạt 12 tấn/ha) và giống nếp 97 (đạt 12,5 tấn/ha) là những giống đạt năng suất cao nhất từ trước đến nay của tỉnh Lai châu.

Dự án đã biên soạn và ứng dụng một số quy trình kỹ thuật gồm:

- + Quy trình sản xuất giống lúa cấp nguyên chủng IR64 huyện Điện Biên.**

+ Quy trình sản xuất giống lúa cấp I IR64 tại hai huyện Điện Biên và Tuần Giáo.

+ Quy trình thâm canh, trình diễn một số giống lúa mới N97, HT1, BM9820 tại lòng chảo Điện Biên và mở rộng ra các huyện khác trong tỉnh.

+ Hai quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa lai ba dòng F1, Bắc ưu 903, Nhị ưu 838.

3. Về hiệu quả xã hội

Dự án đã đào tạo góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của bà con nông dân để ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Với phương thức chuyển giao những tiến bộ Khoa học kỹ thuật mới cho nông dân đơn giản, dễ làm và hiệu quả cao, mặc dù vẫn không thể tránh khỏi một vài nhược điểm. Dự án đã đào tạo được đội ngũ cán bộ khuyến nông cấp xã có trình độ cao hơn về kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa và năng lực tổ chức hội thảo, chỉ đạo sản xuất trong tương lai, tạo cơ hội để cán bộ kỹ thuật huyện, xã tiếp cận trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm kiến thức khoa học mới từ cán bộ khoa học của các Viện Nghiên cứu và các cơ quan khoa học khác. Sau khi dự án kết thúc họ sẽ có khả năng và biết phương pháp ứng dụng các kết quả của Dự án đem lại để mở rộng các mô hình trong sản xuất, nâng cao đời sống cho người dân.

Từ các hiệu quả đạt được của mô hình sẽ kích thích tính năng động sáng tạo và say mê lao động sản xuất của bà con nông dân, qua đó tăng thêm công ăn việc làm, tăng sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, loại trừ tệ nạn xã hội, ổn định chính trị xã hội trong vùng.

Dự án cũng cho thấy được tiềm năng sản xuất lương thực của hai huyện Điện Biên, huyện Tuần Giáo và của tỉnh Lai châu từ đó giúp các nhà hoạch định chiến lược an ninh lương thực của tỉnh có căn cứ khoa học để xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất đảm bảo an ninh lương thực trong tương lai.

MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM.

Dự án đã thành công tốt đẹp là do:

1. Dự án đã khai thác đúng hướng tiềm năng sẵn có của địa phương góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, từng bước ổn định và nâng cao đời sống của bà con nông dân.
2. Các địa điểm mô hình Dự án đều được lựa chọn khách quan, chính xác.
3. Các mục tiêu của Dự án phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo ở các vùng sâu vùng xa.
4. Dự án đã làm tốt công tác đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ quản lý cho cán bộ và nông dân địa phương.
5. Đơn vị chuyển giao công nghệ có tiềm lực mạnh cả về cán bộ và công nghệ và đã cố gắng thực hiện đúng nội dung và tiến độ đã đề ra, kể cả trong trường hợp kinh phí đến chậm.
6. Có sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ thường xuyên giữa hai cơ quan Chủ trì, cơ quan Chuyển giao Khoa học Công nghệ và các cơ quan khác, các cấp lãnh đạo huyện, xã thực hiện dự án.

KIẾN NGHỊ

1. Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam kính đề nghị Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Lai châu, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành nghiệm thu dự án và thanh lý hợp đồng.
2. Kính đề nghị tỉnh Lai châu có kế hoạch để mở rộng các mô hình đã thành công của dự án ra các huyện khác trong tỉnh.
3. Đề nghị Bộ Khoa học Công nghệ mở rộng các kết quả đạt được của dự án vào các tỉnh miền núi khác trên cả nước trong những năm tới.
4. Đề nghị Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Tài chính, Sở Khoa học công nghệ và Môi trường tỉnh Lai châu cấp kinh phí để in ấn sách hướng dẫn kỹ

thuật, phát chương trình tuyên truyền trên truyền hình trung ương, địa phương về kết quả đã đạt được của dự án.

PHẦN IV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí thực hiện dự án : 1.466.016.000 đồng

- Ngân sách trung ương	500.000.000 đồng
- Ngân sách địa phương	30.730.000 đồng
- Từ các nguồn khác	935.286.000 đồng

2. Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ của ngân sách Trung ương:

- Về tình hình tài chính Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam đã có báo cáo quyết toán vào 2 đợt.

Đợt 1

+ Số kinh phí được cấp trong năm	250.000.000 đồng
+ Số đề nghị quyết toán	234.071.230 đồng
+ Số kinh phí chuyển kỳ sau	15.928.770 đồng
+ Số liệu quyết toán đã kiểm tra	217.433.061 đồng
+ Kinh phí chuyển sang năm sau	32.566.939 đồng

Đợt 2

- Số kinh phí nhận trong năm	208.000.000 đồng
- Số kinh phí kỳ trước	32.566.939 đồng
- Số kinh phí được sử dụng	240.566.939 đồng
- Số kinh phí đề nghị quyết toán	238.301.612 đồng

- Số kinh phí đã được quyết toán	197.535.340 đồng
----------------------------------	------------------

(Có báo cáo quyết toán kèm theo)

- Tổng kinh phí hai năm	500.000.000 đồng
- Kinh phí Viện KHKTNNVN đã nhận	458.000.000 đồng
- Kinh phí dự án đã nhận và triển khai	458.000.000 đồng
- Kinh phí dự án đã được duyệt quyết toán	414.968.401 đồng
- Kinh phí đã thực hiện chưa duyệt quyết toán	63.792.599 đồng

**Viện Khoa học Kỹ thuật
Nông nghiệp Việt Nam**
(Cơ quan chuyển giao dự án)



Đặng Văn Khán

Sở KHCN Điện Biên
Giám đốc
(Chủ nhiệm dự án)



Đặng Văn Khán